

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-UBND

Bình Phước, ngày tháng năm 2023

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành biểu mẫu báo cáo thống kê  
và phân công thực hiện thu thập thông tin thuộc  
Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Thống kê ngày 23/11/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê ngày 12/11/2021;*

*Căn cứ Nghị định số 94/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thống kê;*

*Căn cứ Quyết định số 05/2023/QĐ-TTg ngày 24/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã;*

*Thực hiện Công văn số 5891/BKHĐT-TCTK-PPCD ngày 26/7/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn ban hành biểu mẫu báo cáo thống kê thu thập thông tin thuộc Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã;*

*Xét đề nghị của Cục Thống kê tại Tờ trình số 693/TTr-CTK ngày 27/9/2023.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này biểu mẫu báo cáo thống kê và phân công thực hiện thu thập thông tin thuộc Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Bình Phước (có biểu mẫu báo cáo thống kê kèm theo).

### **Điều 2.** Tổ chức thực hiện

1. Biểu mẫu báo cáo tại Điều 1 Quyết định này áp dụng đối với Ban Tổ chức Tỉnh ủy; các sở, ban, ngành, cơ quan thuộc UBND tỉnh, các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh (sau đây gọi chung là các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh); Ban Tổ chức Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy, các cơ quan chuyên môn thuộc

UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan của Trung ương, của tỉnh đóng trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi chung là phòng, ban, đơn vị cấp huyện); UBND các huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi chung là UBND cấp huyện); UBND các xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là UBND cấp xã).

2. Căn cứ Quyết định này, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh; Trưởng các phòng, ban, đơn vị cấp huyện, Chủ tịch UBND cấp huyện, Chủ tịch UBND cấp xã chịu trách nhiệm chỉ đạo thực hiện và kiểm tra, giám sát việc thực hiện theo đúng các biểu mẫu quy định.

3. Cục Thống kê có trách nhiệm công bố các biểu mẫu báo cáo trên website của đơn vị; hướng dẫn thực hiện và làm đầu mối tổng hợp biểu mẫu báo cáo thống kê thu thập Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã.

4. UBND cấp huyện, UBND cấp xã có trách nhiệm bố trí nguồn lực (nhân lực và kinh phí) để thu thập thông tin tính các chỉ tiêu đặc thù, phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của cấp huyện, cấp xã (chỉ tiêu Tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn cấp huyện; Thu nhập bình quân đầu người 01 tháng của cấp huyện, cấp xã) theo quy định.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 676/QĐ-UBND ngày 03/4/2018 của UBND tỉnh về việc phân công thực hiện hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã.

**Điều 5.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Cục trưởng Cục Thống kê; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh; Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã; Thủ trưởng các phòng, ban, đơn vị cấp huyện và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 5;
- Tổng cục Thống kê;
- TTTU, TT.HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP, Phòng TH;
- Lưu: VT. (65Thg-06.10)

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Biểu mẫu:**  
**BÁO CÁO THỐNG KÊ THU THẬP HỆ THỐNG CHỈ TIÊU THỐNG KÊ**  
**CẤP TỈNH, CẤP HUYỆN, CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH PHƯỚC**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)*

---

## **I. QUY ĐỊNH CHUNG**

### **1. Mục đích**

Biểu mẫu báo cáo thống kê thu thập thông tin thuộc Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã nhằm đáp ứng yêu cầu biên soạn Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã theo Quyết định số 05/2023/QĐ-TTg ngày 24/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã.

### **2. Phạm vi thống kê**

a) Số liệu báo cáo tổng hợp trong Hệ thống biểu mẫu thuộc phạm vi quản lý nhà nước của các sở, ngành, đơn vị cấp tỉnh; các phòng, ban, đơn vị cấp huyện và UBND cấp huyện, cấp xã về lĩnh vực chuyên môn được giao.

b) Các sở, ngành, đơn vị cấp tỉnh; các phòng, ban, đơn vị cấp huyện và UBND cấp huyện, cấp xã được giao quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực chịu trách nhiệm tổ chức thu thập, tổng hợp thông tin thống kê về ngành, lĩnh vực của đơn vị mình, bao gồm thông tin thống kê của các đơn vị trực thuộc sở, ngành, đơn vị cấp tỉnh; các phòng, ban, đơn vị cấp huyện và UBND cấp huyện, cấp xã thuộc quyền quản lý của địa phương.

### **3. Đơn vị báo cáo**

Đơn vị báo cáo được ghi cụ thể tại góc trên bên phải của từng biểu mẫu thống kê. Bộ phận thống kê trực thuộc sở, ngành, đơn vị cấp tỉnh; các phòng, ban, đơn vị cấp huyện và UBND cấp huyện, cấp xã tổng hợp số liệu thuộc lĩnh vực do đơn vị mình đã được giao quản lý.

### **4. Đơn vị nhận báo cáo**

Đơn vị nhận báo cáo là Cục Thống kê, Chi cục Thống kê cấp huyện được ghi cụ thể tại góc trên bên phải của từng biểu mẫu thống kê, dưới dòng đơn vị báo cáo.

*Lưu ý: Một số biểu mẫu thống kê thu thập Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp huyện nguồn số liệu từ biểu mẫu báo cáo thống kê cấp tỉnh; cấp xã nguồn số liệu từ biểu mẫu báo cáo thống kê cấp huyện.*

### **5. Ký hiệu biểu**

Ký hiệu biểu gồm hai phần: phần số và phần chữ; phần số được đánh số tự nhiên 001, 002, 003,...; phần chữ được ghi chữ in viết tắt sao cho phù hợp với từng ngành hoặc lĩnh vực và kỳ báo cáo (Năm - N; Quý - Q; Tháng - T; Hỗn hợp - H); lấy chữ T (Báo cáo sở, ban, ngành và các đơn vị tương đương) thể hiện cho hệ biểu báo cáo thống kê thu thập Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh (theo mã chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh); lấy chữ H (Báo cáo huyện và các đơn vị tương đương) thể hiện cho Hệ thống biểu mẫu báo cáo thống kê áp dụng đối với các phòng, ban, đơn vị (theo mã chỉ tiêu thống kê cấp huyện); lấy chữ X thể hiện cho Hệ thống biểu mẫu báo cáo thống kê áp dụng đối với UBND xã, phường, thị trấn trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố.

Ví dụ 1: Báo cáo thống kê tổng hợp 2 năm của Sở Công Thương được ký hiệu như sau: Biểu số 001.2N/T0903-CT “Năng lực sản xuất một số sản phẩm công nghiệp” (001 là số thứ tự biểu do Sở Công Thương chủ trì thực hiện; 2N là chu kỳ báo cáo 2 năm; T0903 là chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh do Sở Công Thương chủ trì thực hiện; CT là Sở Công Thương chủ trì thực hiện biểu mẫu này).

*Lưu ý: Một chỉ tiêu thống kê có thể thu thập thông tin từ nhiều biểu quy ước ký hiệu biểu bổ sung số thứ tự theo số tự nhiên 1, 2, 3... sau dấu (.) mã chỉ tiêu, ví dụ: Biểu 001.N/T0101.1-TNMT; một biểu thu thập nhiều chỉ tiêu quy ước ký hiệu biểu bổ sung 2 số ký hiệu sau của mã chỉ tiêu sau dấu (-) mã chỉ tiêu, ví dụ: Biểu 001.N/T1501-02-03-04-05-GDDT.*

## 6. Kỳ báo cáo

Kỳ báo cáo thống kê là khoảng thời gian nhất định quy định đối tượng báo cáo thống kê phải thể hiện kết quả hoạt động bằng số liệu theo các tiêu chí thống kê trong biểu mẫu báo cáo thống kê. Kỳ báo cáo được ghi ở phần giữa của từng biểu mẫu thống kê (sau tên biểu báo cáo). Kỳ báo cáo thống kê được tính theo ngày dương lịch và được quy định cụ thể của từng biểu mẫu báo cáo thống kê, bao gồm:

- a) Báo cáo thống kê tháng.
- b) Báo cáo thống kê quý.
- c) Báo cáo thống kê 6 tháng.
- d) Báo cáo thống kê 9 tháng.
- đ) Báo cáo thống kê năm.
- e) Báo cáo thống kê đột xuất trong trường hợp khi có sự vật, hiện tượng đột xuất xảy ra: Thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn và các hiện tượng đột xuất khác. Ngoài ra còn có kỳ báo cáo khác nhau đã ghi cụ thể ở biểu mẫu báo cáo.

## 7. Thời hạn nhận báo cáo

Thời hạn nhận báo cáo được ghi cụ thể tại góc trên bên trái của từng biểu mẫu thống kê.

Ví dụ: Ngày 28 tháng 3 năm sau năm báo cáo. Số liệu báo cáo là số liệu chính thức thực hiện của năm trước.

Ngoài ra, tùy thuộc vào các lĩnh vực khác nhau có thời hạn nhận báo cáo khác nhau đã ghi cụ thể ở dòng ngày nhận báo cáo.

### **8. Phân ngành kinh tế, loại hình kinh tế, danh mục đơn vị hành chính**

Hệ thống ngành kinh tế quốc dân, loại hình kinh tế, danh mục đơn vị hành chính Việt Nam sử dụng trong biểu mẫu báo cáo thống kê thực hiện theo quy định hiện hành.

### **9. Phương thức gửi báo cáo**

Các đơn vị gửi báo cáo thống kê bằng văn bản (bản giấy) hoặc báo cáo điện tử qua Hệ thống phần mềm báo cáo điện tử đến Cục Thống kê tỉnh, Chi cục Thống kê cấp huyện theo thời gian quy định trên từng biểu mẫu. Báo cáo bằng văn bản giấy phải có chữ ký, đóng dấu của Thủ trưởng đơn vị hoặc báo cáo điện tử (được ký số) để thuận lợi cho việc kiểm tra, đối chiếu, xử lý số liệu.

## **II. BIỂU MẪU BÁO CÁO THỐNG KÊ THU THẬP HỆ THỐNG CHỈ TIÊU THỐNG KÊ CẤP TỈNH, CẤP HUYỆN, CẤP XÃ (KÈM THEO), GỒM:**

### **1. Cấp tỉnh**

- Danh mục biểu mẫu báo cáo thống kê dùng để thu thập hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, áp dụng đối với các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh.
- Biểu mẫu báo cáo thống kê dùng để thu thập hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh: 78 biểu, áp dụng đối với 23 sở, ngành, đơn vị.

### **2. Cấp huyện**

- Danh mục biểu mẫu báo cáo thống kê dùng để thu thập hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp huyện, áp dụng đối với các phòng, ban, đơn vị cấp huyện.
- Biểu mẫu báo cáo thống kê dùng để thu thập hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp huyện: 37 biểu, áp dụng đối với 13 phòng, ban, đơn vị.

### **3. Cấp xã**

- Danh mục biểu mẫu báo cáo thống kê dùng để thu thập hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp xã.
- Biểu mẫu báo cáo thống kê dùng để thu thập hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp huyện, áp dụng đối với cấp xã: 17 biểu./.